

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HSST

Ngày 11/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**
- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Huỳnh Thị Châu**
2/ Ông Trần Đại Nghĩa
- Thư ký phiên tòa: **Ông Phạm Việt Dũng** là Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Ông Lê Trần Thọ** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử công khai án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2021/HSST ngày 08 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2021/HSST-QĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1977, tại Bình Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 10 ấp 94, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông Nguyễn Kim A, sinh năm: 1950 và bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1953; Có vợ Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1981; Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2020.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

2. Ngô Thị D, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1983; tại: Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Ngô Ngọc T, đã chết và bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1962; Có chồng Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1988; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

+/- Nhân thân: Ngày 20/10/2020, bị cáo bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố về tội “Đánh bạc” và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 26/02/2021, TAND huyện Cẩm Mỹ xử phạt bị can 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến nay.

3. Đặng Minh Đ, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1969; tại Bình Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông Đặng Q, đã chết và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1936; Có vợ Trần Thị Thanh H, sinh năm: 1973; chưa có con

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

4. Nguyễn Văn T1, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm 1986; tại: Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 10 ấp 94, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Thợ hàn; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1967 và bà Lê Thị Y, sinh năm: 1964; Có vợ Phan Thị Thúy H, sinh năm: 1985 (đã chết); Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

5. Đoàn Thị Bích H1, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1984 tại Huế; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 25B khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: lơ xe; Con ông Đoàn Văn H, sinh năm: Đã chết và bà Phan Thị T, sinh năm: 1959; Có chồng Nguyễn Việt P, sinh năm: 1977; Có 01 con sinh năm 2003.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

6. Lò Chiu H2, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1970 tại: Bình Dương; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 991 tổ 29 khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông Lò Vành G, đã chết và bà Lý S, đã chết; Chưa có vợ con.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

7. Trần Minh T, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1971 tại Hà Nam Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 82/1 ấp D, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông Trần Văn Đ, đã chết và bà Trần Thị M, đã chết; Có vợ Phan Thị Tuyết M, sinh năm: 1970; Có 01

con sinh năm 2000.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

8. Nguyễn Thị Hồng H3, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1960 tại Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp 94, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông Nguyễn Văn T, đã chết và bà Nguyễn Thị Tr, đã chết; Có chồng Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1960; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1998.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

9. Lê Hồng H4, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1974 tại Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 12 ấp 94, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: chăn nuôi; Con ông Lê Văn Th, đã chết và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1952; Có vợ Vòng Nịp H, sinh năm: 1985; Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhất sinh năm 2012.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Năm 2017, bị Công an huyện Cẩm Mỹ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định XPVPHC số 47 ngày 12/6/2017, đã thi hành xong ngày 19/6/2017.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

10. Trần H5, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1962 tại Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 10 khu phố L, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: làm nông; Con ông Trần T, sinh năm: 1940 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1941; Có vợ Đặng Thị Ngọc A, sinh năm: 1961; Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1990.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

11. Hoàng Thị Th, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1976 tại Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 335 tổ 5 khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: nội trợ; Con ông Hoàng Tấn D, sinh năm: 1950 và bà Võ Thị Ch, sinh năm: 1950; Có chồng Trần Hải L, sinh năm: 1978; Có 01 con sinh năm 2008.

+/- Tiền án, tiền sự: Không

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

12. Nguyễn Thị H6, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1975 tại Phú Yên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: khu phố Ph, phường H, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: làm rẫy; Con ông Nguyễn Tr, đã chết và bà Bùi Thị H, sinh năm: 1931; Có chồng Nguyễn Văn B, sinh năm: 1977; Có 01 con sinh năm 2002.

+/ Tiền án, tiền sự: Không

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

13. Đặng Thị Ngọc A, (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1961 tại Tp. Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Đặng Văn D, sinh năm: 1937 và bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1938; Có chồng: Trần H, sinh năm: 1962; Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1990.

+/ Tiền án, tiền sự: Không

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 18/12/2020 đến ngày 07/02/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

+/ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Bà Phan Thị T**, sinh năm 1959

Địa chỉ: tổ 25B, khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ **Anh Nguyễn Văn B**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ **Ông Chang Tấn Th**, sinh năm 1967

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ **Bà Nguyễn Thị V**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp 2, xã S, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

+/ **Người làm chứng: Bà Lê Thị M**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, anh B, ông Th, bà V và bà M vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 45 ngày 18/12/2020, tại ấp 94, xã H, huyện Thống Nhất, Công an huyện Thống Nhất phối hợp Công an xã H tổ chức lực lượng triệt phá 01 (một) tụ điểm đánh bạc tại nhà của bị cáo Nguyễn Văn T. Bắt quả tang 13 (mười ba) đối tượng gồm các bị cáo:

Ngô Thị D, Trần Minh T, Lê Hồng H4, Đặng Thị Ngọc A, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Văn T1, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn T; Ngô Thị D, Trần Minh T; Lê Hồng H4; Đặng Thị Ngọc A; Đoàn Thị Bích H; Nguyễn Thị H6; Nguyễn Văn T1; Hoàng Thị Th; Nguyễn Thị Hồng H3; Trần H5; Lò Chiu H2; Đặng Minh Đ, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.700.000 đồng; số tiền 250.000 đồng (tiền xâu); thu giữ tiền trên người các đối tượng gồm: Ngô Thị D 300.000 đồng; Trần Minh T 1.500.000 đồng; Lê Hồng H4 6.000.000 đồng; Đoàn Thị Bích H1 12.900.000 đồng; Nguyễn Văn T1 2.200.000 đồng; Hoàng Thị Th 100.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng H3 1.000.000 đồng; Nguyễn Văn T1 610.000 đồng; Trần H5 240.000 đồng; Lò Chiu H2 1.600.000 đồng; Đặng Minh Đ 2.900.000 đồng; 02 (hai) cái chăn màu xám; 04 (bốn) bộ bài đã qua sử dụng; 06 (sáu) bộ bài chưa sử dụng; 10 (mười) xe mô tô các loại gồm các xe có biển kiểm soát: 60B6- 025.00, 60K4-1849, 78G1-420.09, 60B7-041.92, 60B7-273.18, 93P1-724.50, 60B8-502.04, 60F7-6766, 60B7-337.20, 60B7-662.92.

Quá trình điều tra xác định được: 13 (mười ba) con bạc gồm hai nhóm đánh bạc dưới hình thức phỏm và binh xập xám, cách chơi bài, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, vai trò từng bị cáo như sau:

+/ Nhóm thứ nhất đánh bạc với nhau dưới hình thức chơi bài phỏm gồm: bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ sử dụng bộ bài tây 52 lá chia cho 04 người mỗi người 9 lá (người chia bài được chia 10 lá), tỷ lệ thắng thua tính trên số điểm của lá bài còn dư sau khi đã được từ 1-2 phỏm (phỏm bao gồm: sảnh đồng chất, tam hoa - tứ quý) theo thứ tự từ thấp - cao (người thua nhì, thua ba, thua cuối) 20.000 đồng - 40.000 đồng - 60.000 đồng; Nếu có 01 trong 04 người ù (có 03 phỏm) thì 03 người còn lại chung cho người ù mỗi người số tiền 100.000 đồng; Người nào bị cháy (không có phỏm) thì thua 80.000 đồng. Cách thức chơi như sau: Bắt đầu một ván bài, người chơi đánh đầu tiên sẽ được chia 10 lá bài, những người còn lại được chia 09 lá. Tất cả các lá bài dư được đặt ở giữa chiếu bạc gọi là Nọc. Người chơi đầu tiên sẽ đánh ra 01 lá bài. Người tiếp theo sẽ ăn lá bài đó nếu nó hợp với các lá bài đang có tạo thành Phỏm; nếu người tiếp theo không ăn (lấy) lá bài đó thì sẽ phải bốc 01 lá bài trong “Nọc”; Nếu khi ăn bài/bốc bài, người được ăn phải đánh ra 01 lá bài. Cứ tiếp tục như vậy cho đến hết vòng. Ván bài sẽ kết thúc khi trong bàn có 1 người chơi ù (khi tất cả 9 lá bài đều có phỏm và không còn bài rác). Nếu trong bàn không có ai ù, sau 04 lượt ván bài sẽ kết thúc. Khi đánh lượt cuối, người chơi phải hạ tất cả Phỏm mình đang có, sau đó gửi các lá bài có thể gửi vào Phỏm của những người chơi đã hạ bài rồi mới đánh quân cuối cùng. Các quân bài còn lại sẽ được giữ lại để tính điểm khi kết thúc ván bài. Các bị can thỏa thuận tính cược như sau: Nếu trong ván bạc có người chơi ù thì ván bài sẽ kết thúc, người chơi mỗi người phải trả cho người thắng số tiền 100.000 đồng. Sau 04 lượt chơi, nếu không có ai ù thì các lá bài rác còn lại sẽ được cộng điểm để tính thắng – thua, ai ít điểm nhất trong bàn sẽ là người thắng cuộc (các lá bài từ A đến 9 được tính tương ứng từ 1 - 9 điểm, các lá bài từ 10 - K tính chung là 10 điểm). Nếu tất cả đều có “Phỏm” thì người về nhất thắng của người thua nhất 60.000 đồng, của người thua nhì 40.000 đồng, của người thua ba 20.000 đồng, nếu người nào không có “Phỏm” thì thua 80.000 đồng. Trong quá trình chơi, nếu ván bạc nào có người “Ù”, tức thắng cả 03 người còn lại thì bỏ vào hộp giấy số tiền 20.000 đồng, gọi là tiền “xâu”, số tiền này chủ nhà là Nguyễn Văn Tài sẽ lấy sau khi kết thúc việc đánh bạc. Số tiền các bị can Nguyễn Văn Tài, Trần Huỳnh, Lò Chiu Hồng, Đặng Minh Đăng khai nhận dùng để đánh bạc như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận dùng số tiền 400.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị

bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo số tiền 610.000 đồng, kết quả thắng bạc số tiền 210.000 đồng. (Bút lục số 491-501)

- Bị cáo Trần H5 khai nhận mang theo số tiền 800.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo số tiền 240.000 đồng, kết quả thua bạc số tiền 560.000 đồng. (Bút lục số 502-510)

- Bị cáo Lò Chiu H2 khai nhận mang theo số tiền 2.250.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo số tiền 1.600.000 đồng, kết quả thua 650.000 đồng. (Bút lục số 522-532)

- Bị cáo Đặng Minh Đ khai nhận mang theo số tiền 1.900.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo số tiền 2.900.000 đồng, kết quả thắng bạc số tiền 1.000.000 đồng. (Bút lục số 511-521)

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ khai nhận đưa dùng để đánh bạc xác định được là: 610.000 đồng + 240.000 đồng + 1.600.000 đồng + 2.900.000 đồng = 5.350.000 đồng. Do đó, các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 5.350.000 đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

+/- Nhóm thứ hai đánh bạc với nhau dưới hình thức chơi bài binh xập xám gồm các bị cáo: Ngô Thị D, Trần Minh T, Lê Hồng H4, Đặng Thị Ngọc A, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Văn T1, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, trong đó có 04 (bốn) người cầm bài chính cho 04 (bốn) tụ mỗi tụ bài 13 (mười ba) lá bài, 04 (bốn) người làm cái xoay tua mỗi người 01 (một) ván gồm bị cáo Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Ngô Thị D, Lê Hồng H4; 05 người còn lại thì góp tiền vào những tụ bài mình chọn để ăn thua với các tụ bài còn lại; người cầm cái so bài của mình với 03 (ba) người còn lại, mỗi tụ đặt cược từ số tiền 100.000 đồng - 200.000 đồng /ván. Trong quá trình chơi, nếu ván bạc nào người làm cái thắng cả 03 người còn lại thì bỏ vào hộp giấy số tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, là tiền “xấu”. Cách thức đánh bạc: Người cầm cái sử dụng bộ bài tây 52 lá, chia đều cho 04 tụ bài, mỗi tụ gồm 13 lá bài, các lá bài sẽ được sắp xếp thành 03 chi, trong đó chi đầu có 03 lá bài, chi thứ 2 và chi cuối, mỗi chi có 05 lá bài, sắp xếp sao cho chi cuối phải “mạnh” hơn chi thứ hai và chi thứ hai phải “mạnh” hơn chi đầu, nếu không sẽ bị cho là “binh lũng” và thua cược. Người cầm cái so bài với từng người trong 03 người còn lại để xác định thắng thua, ai thắng ở hai chi thì thắng cược. Khi so sánh các chi, độ mạnh yếu của các chi được xác định theo thứ tự như sau từ lớn đến nhỏ như sau: cù lũ (03 lá bài cùng giá trị và 01 đôi), thùng (05 lá bài bất kỳ cùng chất), sảnh (05 lá bài tạo thành một dãy liên tiếp không đồng chất), xám chi (03 lá bài cùng giá trị, 02 lá bài khác giá trị), thú (có 02 cặp đôi cùng giá trị và 01 lá bài còn lại khác giá trị với 02 cặp đôi), đôi (01 đôi và ba lá bài còn lại khác nhau) và cuối cùng là mậu thầu (các lá bài khác nhau không cùng giá trị). Mậu binh là lớn nhất, gồm: thùng phá sảnh (05 lá bài liên tiếp cùng chất); 03 thùng; 03 sảnh; 06 đôi; tứ quý (04 lá bài cùng giá trị), nếu bài mậu binh thì thắng luôn, không cần so bài, nếu 02 người cùng mậu binh thì hòa.

Những người góp tiền vào 04 tụ bài chính gồm các bị cáo: Đoàn Thị Bích H1 góp tiền theo tụ bài bị cáo Hoàng Thị Th mỗi ván từ 50.000 đồng - 100.000 đồng; các bị cáo Trần Minh T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Hồng H3 góp tiền theo tụ bài của bị cáo Lê Hồng H4 mỗi ván từ 50.000 đồng - 100.000 đồng; bị cáo Đặng Thị Ngọc A góp tiền theo tụ bài của bị cáo Ngô Thị D mỗi ván từ 50.000 đồng - 100.000 đồng. Số tiền các bị cáo Ngô Thị D; Trần Minh T; Lê Hồng H4; Đặng Thị Ngọc A; Đoàn Thị Bích H1; Nguyễn Thị H6; Nguyễn Văn T1; Hoàng Thị Th; Nguyễn Thị Hồng H3 dùng để đánh bạc, trong quá trình bị bắt quả tang và kết quả thắng thua như sau:

- Bị cáo Ngô Thị D khai nhận mang theo số tiền 300.000 đồng đưa vào đánh bạc, khi

bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo số tiền 300.000 đồng, kết quả không thắng, không thua. (Bút lục số 575-585)

- Bị cáo Trần Minh T khai nhận mang theo số tiền 1.500.000 đồng đưa vào đánh bạc, ké vào tụ bài của bị cáo Lê Hồng H4, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo số tiền 1.500.000 đồng, kết quả không thắng, không thua. (Bút lục số 543-553)

- Bị cáo Lê Hồng H4 khai nhận mang theo số tiền 700.000 đồng đưa vào đánh bạc, khi bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo H4 khai nhận trong số tiền bị thu giữ trên có 500.000 đồng là tiền của bị cáo sử dụng tham gia đánh bạc, kết quả bị cáo thua bạc số tiền 200.000 đồng, còn số tiền 5.500.000 đồng là do bị cáo H4 nhặt được trong chậu cây trước sân nhà bị cáo T, do các con bạc khác vớt lại, không xác định được của ai. (Bút lục số 533-542)

- Bị cáo Đặng Thị Ngọc A khai nhận mang theo số tiền 500.000 đồng đưa vào đánh bạc, ké vào tụ bài của bị cáo Ngô Thị D, kết quả thua bạc số tiền 500.000 đồng. (Bút lục số 569-574)

- Bị cáo Đoàn Thị Bích H1 khai nhận khi đến nhà bị cáo Nguyễn Văn T mang theo tổng số tiền 13.000.000 đồng. Khi tham gia đánh bạc, bị cáo lấy ra số tiền 2.000.000 đồng để trong túi quần bên phải sử dụng đưa vào đánh bạc, còn lại số tiền 11.000.000 đồng để trong túi quần bên trái không sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, thu giữ trong túi quần bên phải của bị cáo H1 số tiền 1.900.000 đồng, kết quả bị cáo thua bạc số tiền 100.000 đồng. Thu giữ trong túi quần bên trái của bị cáo H1 số tiền 11.000.000 đồng, số tiền này bị cáo khai nhận dùng để trả tiền nợ ngân hàng, không sử dụng vào đánh bạc. (Bút lục số 606-616)

- Bị cáo Nguyễn Thị H6 khai nhận mang theo số tiền 1.500.000 đồng đưa vào đánh bạc, kết quả thua bạc số tiền 1.500.000 đồng. (Bút lục số 586-595)

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 khai nhận mang theo số tiền 2.000.000 đồng đưa vào đánh bạc, ké vào tụ bài của bị cáo Lê Hồng H4, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo số tiền 2.200.000 đồng, kết quả thắng bạc số tiền 200.000 đồng. (Bút lục số 554-562)

- Bị cáo Hoàng Thị Th khai nhận mang theo số tiền 300.000 đồng đưa vào đánh bạc, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo số tiền 100.000 đồng, kết quả thua bạc số tiền 200.000 đồng. (Bút lục số 596-605)

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng H3 khai nhận mang theo số tiền 900.000 đồng đưa vào đánh bạc, ké vào tụ bài của bị cáo Lê Hồng H4, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người H4 số tiền 1.000.000 đồng, kết quả thắng bạc số tiền 100.000 đồng. (Bút lục số 563-568)

Tổng số tiền các bị cáo Ngô Thị D, Trần Minh T, Lê Hồng H4, Đặng Thị Ngọc A, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Văn T1, Hoàng Thị Th và Nguyễn Thị Hồng H3 dùng đánh bạc là: $300.000 + 1.500.000 + 500.000 + 1.900.000 + 2.200.000 + 100.000 + 1000.000 = 7.500.000$ đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng); Số tiền 5.500.000 đồng thu giữ trong người bị cáo Lê Hồng H4 khai nhận nhặt được khi các con bạc bỏ chạy vớt lại; Số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 1.700.000 đồng. Do đó, tổng số tiền các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung là: $7.500.000 \text{ đồng} + 1.700.000 \text{ đồng} + 5.500.000 \text{ đồng} = 14.700.000$ đồng (Mười bốn triệu bảy trăm ngàn đồng).

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng nhà của mình làm địa điểm đánh bạc, chuẩn bị công cụ dùng để đánh bạc gồm: 04 bộ bài, 02 cái chặn cho 12 (mười hai) người tham gia đánh bạc tại hai chiếu bạc với tổng số tiền dùng đánh bạc là $14.700.000 \text{ đồng} + 5.350.000 = 20.050.000$ đồng; số tiền xâu thu được khi bắt quả tang là 250.000 đồng. Bị cáo Tài khai nhận lấy tiền xâu làm chi phí mua bài, nước, cơm cho các con bạc. Khi sòng bạc bị bắt, số tiền xâu 250.000 đồng được thu giữ trên chiếu bạc “bình xập xám” nên bị cáo chưa nhận được số tiền này.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4, Đặng Thị Ngọc A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. (Bút lục số 491-616)

+/- Về vật chứng, đồ vật đã thu giữ:

- Thu tại chiếu bạc chơi bài binh xập xám: Số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng); Số tiền xâu 250.000 đồng; Số tiền 5.350.000 đồng theo lời khai các con bạc dùng đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm; Số tiền 14.700.000 đồng theo lời khai các con bạc dùng đánh bạc dưới hình thức đánh binh xập xám, đề nghị tịch thu xung công quỹ. (Bút lục số 675-682)

- Công cụ dùng để đánh bạc: 02 (hai) cái chặn, 04 bộ bài tây loại 52 lá hiệu double K đã qua sử dụng; 06 (sáu) bộ bài chưa qua sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy. (Bút lục số 675-682)

- Đối với số tiền thu giữ trên người bị cáo Đoàn Thị Bích H1 số tiền 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm ngàn đồng) trong đó số tiền 1.900.000 đồng bị cáo H1 khai nhận sử dụng vào đánh bạc, số tiền 11.000.000 đồng không sử dụng vào đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo H1 số tiền 11.000.000 đồng. (Bút lục số 363, 666-674)

- Đối với các xe mô tô gồm: Xe mô tô biển kiểm soát 60B6-025.00 là phương tiện của bị cáo Ngô Thị D sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60K4-1849 là phương tiện của bị cáo Lê Hồng H4 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 78G1-420.09 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Thị H6 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60B7-041.92 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Văn T1 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60B7-273.18; Xe mô tô biển kiểm soát 93P1-724.50 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Thị Hồng H3 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60B8-502.04 là phương tiện của bị cáo Đoàn Thị Bích H1 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60F7-6766 là phương tiện của bị cáo Lò Chiu H2 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60B7-662.92 là phương tiện của bị cáo Đặng Minh Đ sử dụng và xe mô tô biển kiểm soát 60B7-337.20 là phương tiện của Chang Tấn Th để tại nhà bị cáo Nguyễn Văn T. Đối với 10 xe mô tô trên, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Lê Hồng H4. 10 xe mô tô trên có giấy tờ đầy đủ, hợp lệ nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả chủ sở hữu hợp pháp. (Bút lục số 635-665).

Tại Bản Cáo trạng số: 40/VKS-HS ngày 06/4/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Truy tố các bị cáo Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4 và Đặng Thị Ngọc A về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4 và Đặng Thị Ngọc A.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H3 và Đặng Thị Ngọc A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quá trình điều tra, truy tố các

bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H3 và Đặng Thị Ngọc A thành khẩn khai báo, các phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Từ những căn cứ trên, áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H3 và Đặng Thị Ngọc A mỗi bị cáo từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Ngô Thị D từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù giam.

+/- Về vật chứng của vụ án:

- Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 20.300.000đ (hai mươi triệu, ba trăm ngàn đồng) đề nghị tịch thu xung quỹ Nhà nước.

- Công cụ dùng để đánh bạc gồm 02 (hai) cái chắn, 04 bộ bài tây loại 52 lá hiệu double K đã qua sử dụng; 06 (sáu) bộ bài chưa qua sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền thu giữ trên người bị cáo Đoàn Thị Bích H1 số tiền 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm ngàn đồng) trong đó số tiền 1.900.000 đồng bị cáo H1 khai nhận sử dụng vào đánh bạc, số tiền 11.000.000 đồng không sử dụng vào đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo H1 số tiền 11.000.000 đồng là có căn cứ, đề nghị không xem xét, giải quyết.

- Đối với các xe mô tô gồm: Xe mô tô biển kiểm soát 60B6-025.00 là phương tiện của bị cáo Ngô Thị D sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60K4-1849 là phương tiện của bị cáo Lê Hồng H4 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 78G1-420.09 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Thị H6 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60B7-041.92 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Văn T1 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60B7-273.18; Xe mô tô biển kiểm soát 93P1-724.50 là phương tiện của bị cáo Nguyễn Thị Hồng H3 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60B8-502.04 là phương tiện của bị cáo Đoàn Thị Bích H1 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60F7-6766 là phương tiện của bị cáo Lò Chiu H2 sử dụng; Xe mô tô biển kiểm soát 60B7-662.92 là phương tiện của bị cáo Đặng Minh Đ sử dụng và xe mô tô biển kiểm soát 60B7-337.20 là phương tiện của Chang Tấn Th để tại nhà bị cáo Nguyễn Văn T. Đối với 10 xe mô tô trên, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Lê Hồng H4. 10 xe mô tô trên có giấy tờ đầy đủ, hợp lệ nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả chủ sở hữu là có căn cứ.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4 và Đặng Thị Ngọc A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không có ý kiến về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với các bị cáo và không có ý kiến, tranh luận gì khác.

Bị cáo Nguyễn Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình

là trái pháp luật, bị cáo lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần H5 nói lời sau cùng: Bị cáo lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lò Chiu H2 nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đặng Minh Đ nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị H6 nói lời sau cùng: Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc không lớn, bị cáo lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Hoàng Thị Th nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng H3 nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, hiện bị cáo đang nuôi chồng bị bệnh, lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đoàn Thị Bích H1 nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 nói lời sau cùng: Bị cáo một mình nuôi hai con nhỏ, lần đầu phạm tội nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Minh T nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Hồng H4 nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đặng Thị Ngọc A nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Ngô Thị D nói lời sau cùng: trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích

H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4 và Đặng Thị Ngọc A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 15 giờ 30 phút, ngày 18/12/2020, tại nhà của bị cáo Nguyễn Văn T ở tại ấp 94, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất bị cáo T đã sử dụng địa điểm là nhà mình, chuẩn bị các công cụ gồm 02 cái chần, 04 bộ bài để cho 12 (mười hai) người gồm các bị cáo Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4, Đặng Thị Ngọc A cùng bị cáo T lập 02 (hai) sòng bạc để đánh bạc trái phép được thua bằng tiền.

[2.2] Sòng thứ nhất: Gồm các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ đánh bạc với nhau dưới hình thức đánh bài phỏm với tổng số tiền dùng đánh bạc là 5.350.000 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn T dùng 410.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Đặng Minh Đ dùng 1.900.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Lò Chiu H2 dùng 2.250.000 đồng để đánh bạc và bị cáo Trần H5 dùng 800.000 đồng để đánh bạc.

[2.3] Sòng thứ hai: Gồm các Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4, Đặng Thị Ngọc A đánh bạc với nhau dưới hình thức đánh bài binh xập xám với tổng số tiền dùng đánh bạc là 14.700.000 đồng. Trong đó, bị cáo Ngô Thị D dùng 300.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Trần Minh T dùng 1.500.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Đặng Thị Ngọc A dùng 500.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Đoàn Thị Bích H1 dùng 2.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Thị H6 dùng 1.500.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Văn T1 dùng 2.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Hoàng Thị Th dùng 300.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Thị Hồng H3 dùng 900.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Lê Hồng H4 dùng 700.000 đồng đưa vào đánh bạc. Khi bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo H4 số tiền 5.500.000 đồng bị cáo H4 nhặt được trong chậu cây trước sân nhà bị cáo T, do các con bạc khác vất lại khi bỏ chạy, không xác định được của ai.

[3] Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố hành vi như trên của bị cáo Nguyễn Văn T cùng các bị cáo Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Ngô Thị D, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4, Đặng Thị Ngọc A về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.2.1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4 và Đặng Thị Ngọc A thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) cần áp dụng để xem xét cho các bị cáo khi lượng hình.

[4.2.2] Đối với bị cáo Ngô Thị D, ngày 10/8/2020 bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố về tội “Đánh bạc” nên lần phạm tội này bị cáo chỉ được

hưởng tình tiết thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[5] Về hình phạt:

[5.1] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo vừa tổ chức đánh bạc và đánh bạc nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên, do bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, bị cáo xuất thân từ người nông dân lao động và là lao động duy nhất trong gia đình có vợ và 04 con nhỏ nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng phạt tiền đối với bị cáo là đủ nghiêm.

[5.2] Đối với các bị cáo Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4 và Đặng Thị Ngọc A các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, các bị cáo đều xuất thân từ người nông dân lao động. Việc phạm tội lần này của các bị cáo chỉ mang tính nhất thời, số tiền các bị cáo dùng để đánh không lớn nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng phạt tiền đối với các bị cáo là đủ nghiêm. Riêng bị cáo Lê Hồng H4 có nhân thân xấu nên phải chịu hình phạt tiền cao hơn các bị cáo khác.

[5.3] Đối với bị cáo Ngô Thị D, ngày 10/8/2020 bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố về tội “Đánh bạc” và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Lẽ ra bị cáo phải thấy được hành vi vi phạm pháp luật của mình và không tiếp tục phạm tội. Tuy nhiên, ngày 18/12/2020 bị cáo lại tiếp tục phạm tội đánh bạc, do đó cần có mức án đủ nghiêm nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe, cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho xã hội và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng của vụ án:

[6.1] Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 20.300.000đ (hai mươi triệu, ba trăm ngàn đồng) cần tịch thu xung quỹ Nhà nước.

[6.2] Công cụ dùng để đánh bạc gồm 02 (hai) cái chặn, 04 bộ bài tây loại 52 lá hiệu double K đã qua sử dụng; 06 (sáu) bộ bài chưa qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6.3] Đối với số tiền thu giữ trên người bị cáo Đoàn Thị Bích H1 số tiền 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm ngàn đồng) trong đó số tiền 1.900.000 đồng bị cáo H1 khai nhận sử dụng vào đánh bạc, số tiền 11.000.000 đồng không sử dụng vào đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo H1 số tiền 11.000.000 đồng là có căn cứ. Bị cáo H1 đã nhận lại số tiền trên và không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6.4] Đối với các xe mô tô gồm: Xe mô tô biển kiểm soát 60B6-025.00, xe mô tô biển kiểm soát 60K4-1849, xe mô tô biển kiểm soát 78G1-420.09, xe mô tô biển kiểm soát 60B7-041.92, xe mô tô biển kiểm soát 60B7-273.18, xe mô tô biển kiểm soát 93P1-724.50, xe mô tô biển kiểm soát 60B8-502.04, xe mô tô biển kiểm soát 60F7-6766, xe mô tô biển kiểm soát 60B7-662.92 và xe mô tô biển kiểm soát 60B7-337.20 các xe mô tô trên có giấy tờ đầy đủ, hợp lệ nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả chủ sở hữu là có căn cứ. Các chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm b, khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[2] Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội **“Đánh bạc”** và **“Tổ chức đánh bạc”**

[3] Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 20.000.000đ** (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc” và **70.000.000đ** (bảy mươi triệu đồng) về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng số tiền xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** là **90.000.000đ** (chín mươi triệu đồng)

[4] Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[5] Tuyên bố: Các bị cáo Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4 và Đặng Thị Ngọc A phạm tội **“Đánh bạc”**.

[6] Xử phạt: Các bị cáo Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T và Đặng Thị Ngọc A mỗi bị cáo **20.000.000đ** (hai mươi triệu đồng)

[7] Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng H4 **25.000.000đ** (hai mươi lăm triệu đồng)

[8] Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[9] Tuyên bố: Bị cáo **Ngô Thị D** phạm tội **“Đánh bạc”**

[10] Xử phạt bị cáo **Ngô Thị D 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2020.

[11] Về vật chứng của vụ án:

[11.1] Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[11.2] Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 20.300.000đ (hai mươi triệu, ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002423 ngày 07/4/2021 của Chi cục thi hành dân sự huyện Thống Nhất.

[11.3] Tịch tiêu hủy 02 (hai) cái chặn, 04 bộ bài tây loại 52 lá hiệu double K đã qua sử dụng và 06 (sáu) bộ bài chưa qua sử dụng (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

[12] Về án phí:

[12.1] Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12.2] Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần H5, Lò Chiu H2, Đặng Minh Đ, Nguyễn Thị H6, Hoàng Thị Th, Nguyễn Thị Hồng H3, Đoàn Thị Bích H1, Nguyễn Văn T1, Trần Minh T, Lê Hồng H4, Ngô Thị D và Đặng Thị Ngọc A mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- Công an tỉnh Đồng Nai (phòng hồ sơ)
- VKSND H. Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- CA h. Thống Nhất;
- Chi cục THA h. Thống Nhất;
- Bị hại; Bị cáo;
- Lưu HS.

Vũ Mạnh Cường